ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 18/2010/QĐ-UBND	*Đông Hà, ngày 22 tháng 11 năm 2010*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định mức trợ cấp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về Chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội (Sau đây gọi tắt là Nghị định số 67/2007/NĐ-CP), Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về Chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội (Sau đây gọi tắt là Nghị định số 13/2010/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 24/2010/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2010 của Liên Bộ: Lao động, Thương binh và Xã hội, Tài chính về Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP và Nghị định số 13/2010/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 1231/TTr-LĐTBXH, ngày 09 tháng 11 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức trợ cấp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 67/2007/NĐ-CP và Nghị định số 13/2010/NĐ-CP áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị như sau:

1. Chế độ trợ cấp thường xuyên:

a) Mức trợ cấp hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng do xã, phường, thị trấn quản lý như Phụ lục 1 kèm theo;

b) Mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội sống trong các cơ sở bảo trợ xã hội như Phụ lục 2 kèm theo;

Trường hợp đối tượng thuộc diện hưởng các mức trợ cấp khác nhau theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này thì chỉ được hưởng một mức cao nhất. Đối với người đơn thân quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP đang hưởng trợ cấp xã hội theo quy định lại khoản 4, khoản 5 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP, được sửa đổi theo khoản 1, khoản 2 Điều 1 Nghị định số 13/2010/NĐ-CP và đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 6 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP thì vẫn được hưởng chế độ trợ cấp theo quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP;

c) Các đối tượng được hưởng trợ cấp hàng tháng theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này; trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi được gia đình, cá nhân nhận nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP và trẻ em là con của người đơn thân quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP còn được hưởng thêm các khoản trợ giúp sau:

- Cấp thẻ Bảo hiểm y tế theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Các đối tượng đang học văn hóa, học nghề được miễn, giảm học phí, được cấp sách, vở đồ dùng học tập theo quy định của pháp luật;

- Khi chết được hỗ trợ mai táng phí mức 3.000.000 đồng. Đối với trường hợp đối tượng thuộc diện được hỗ trợ các mức mai táng phí khác nhau thì chỉ được hỗ trợ một mức mai táng phí cao nhất;

d) Các đối tượng ở cơ sở bảo trợ xã hội thuộc Nhà nước quản lý ngoài các khoản trợ giúp trên còn được trợ cấp mức 150.000đồng/người/tháng để: Mua sắm tư trang, vật dụng phục vụ cho sinh hoạt đời sống thường ngày; mua thuốc chữa bệnh thông thường; vệ sinh cá nhân hàng tháng đối với đối tượng nữ trong độ tuổi sinh đẻ;

Riêng người nhiễm HIV/AIDS ở cơ sở bảo trợ xã hội thuộc Nhà nước quản lý, ngoài các khoản trợ giúp trên còn được hỗ trợ điều trị nhiễm trùng cơ hội mức 250.000đồng/người/năm;

e) Trẻ em từ 13 tuổi trở lên sống tại các cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội tại cộng đồng, không còn học văn hóa thì được giới thiệu đến các cơ sở dạy nghề để học nghề theo quy định hiện hành của Nhà nước;

f) Trẻ em mồ côi đã đến tuổi trưởng thành nhưng không tiếp tục học văn hóa, học nghề; người tàn tật đã phục hồi chức năng; người tâm thần đã ổn định đang ở cơ sở bảo trợ xã hội được đưa trở về địa phương (Nơi đối tượng sinh sống trước khi vào cơ sở bảo trợ xã hội). UBND xã, phường, thị trấn (Gọi tắt là cấp xã) và gia đình có trách nhiệm tiếp nhận và tạo điều kiện cho họ có việc làm, ổn định cuộc sống;

g) Trẻ em bị bỏ rơi sống tại cơ sở bảo trợ xã hội đã đến tuổi trưởng thành nhưng không tiếp tục học văn hóa, học nghề thì cơ sở bảo trợ xã hội và địa phương nơi cơ sở

bảo trợ xã hội đặt trụ sở có trách nhiệm hỗ trợ tạo việc làm, nơi ở và tiếp tục cho hưởng trợ cấp cho đến khi tự lập được cuộc sống, nhưng không quá 24 tháng.

2. Chế độ trợ cấp đột xuất:

Trợ cấp đột xuất cho các đối tượng là cá nhân và hộ gia đình gặp khó khăn do hậu quả thiên tai hoặc những lý do bất khả kháng khác gây ra

a) Đối với hộ gia đình:

- Có người chết, mất tích: 4.500.000 đồng/người;

- Có người bị thương nặng: 1.500.000 đồng/người;

- Có nhà bị đổ, sập, trôi, cháy, hỏng nặng: 6.000.000 đồng/hộ;

- Hộ gia đình phải di dời nhà ở khẩn cấp do nguy cơ sạt lở đất, lũ quét: 6.000.000 đồng/hộ;

- Hộ gia đình có nhà bị đổ, sập, trôi, cháy, hỏng nặng và hộ gia đình phải di dời nhà ở khẩn cấp do nguy cơ sạt lở đất, lũ quét sống ở vùng khó khăn thuộc danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn do Thủ tướng Chính phủ quy định, mức hỗ trợ: 7.000.000 đồng/hộ;

b) Cá nhân:

- Trợ giúp cứu đói: 15 kg gạo/người/tháng, trong thời gian từ 1 đến 3 tháng;

- Người gặp rủi ro ngoài vùng cư trú bị thương nặng, gia đình không biết để chăm sóc: 1.500.000 đồng/người;

- Người lang thang xin ăn trong thời gian tập trung chờ đón về nơi cư trú: 15.000 đồng/người/ngày nhưng không quá 30 ngày. Trường hợp đặc biệt cần phải kéo dài thì thời gian được hưởng trợ cấp tối đa không quá 90 ngày và mức trợ cấp bằng mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng tại cơ sở bảo trợ xã hội;

c) Đối với người gặp rủi ro ngoài vùng cư trú bị chết, gia đình không biết để mai táng, được UBND cấp xã, bệnh viện, cơ quan, đơn vị tổ chức mai táng thì các cơ quan, đơn vị đứng ra mai táng được hỗ trợ kinh phí mai táng, bằng 4.500.000 đồng/người.

Điều 2. Thời gian hưởng chế độ trợ cấp

1. Đối tượng đang hưởng chính sách trợ giúp xã hội theo Nghị định số 67/2007/NĐ-CP của Chính phủ từ ngày 31/12/2009 trở về trước thì chuyển sang hưởng chính sách trợ giúp xã hội quy định tại Quyết định này kể từ ngày 01/01/2010.

2. Đối tượng có quyết định hưởng trợ cấp xã hội từ ngày 01/01/2010 trở về sau thì được hưởng trợ cấp xã hội theo Quyết định này, thời gian hưởng được tính từ ngày ghi trong Quyết định cho hưởng trợ cấp xã hội của Chủ tịch UBND cấp huyện.

Điều 3. Kinh phí thực hiện chính sách bảo trợ xã hội, nội dung và mức chi cho công tác quản lý nhà nước về bảo trợ xã hội:

1. Kinh phí thực hiện chính sách bảo trợ xã hội; nội dung và mức chi cho công tác quản lý nhà nước về bảo trợ xã hội được áp dụng theo Thông tư liên tịch số 24/2010/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 18/8/2010 của Liên Bộ: Lao động, Thương binh và Xã hội, Tài chính về Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP và Nghị định số 13/2010/NĐ-CP.

2. Quy định chi thù lao cho cá nhân trực tiếp chi trả trợ cấp hàng tháng đến đối tượng hưởng trợ cấp xã hội: Mức chi 350.000 đồng/người/tháng; mỗi xã, phường, thị trấn được bố trí 01 người làm công tác chi trả.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2059/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2007 của UBND tỉnh về Quy định mức trợ cấp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Lao động, Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Y tế, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Cường

Phụ lục 1:

MỨC TRỢ CẤP XÃ HỘI HÀNG THÁNG
ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI
SỐNG TẠI CỘNG ĐỒNG DO XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN QUẢN LÝ

(Kèm theo Quyết định số 18/2010/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2010 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

TT	Đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
1	Đối tượng Quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP: "Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em bị bỏ rơi, mất nguồn nuôi dưỡng; trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại là mẹ hoặc cha mất tích theo quy định tại Điều 78 của Bộ Luật Dân sự hoặc không đủ năng lực, khả năng để nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật; trẻ em có cha và mẹ hoặc cha hoặc mẹ đang trong thời gian chấp hành hình phạt tù tại trại giam, không còn người nuôi dưỡng; trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ gia đình nghèo. Người chưa thành niên từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi nhưng đang đi học văn hóa, học nghề, có hoàn cảnh như trẻ em nêu trên"		
	Từ 18 tháng tuổi trở lên;	1,0	180
	Dưới 18 tháng tuổi; từ 18 tháng tuổi trở lên bị tàn tật nặng hoặc bị nhiễm HIV/AIDS	1,5	270
	Dưới 18 tháng tuổi bị tàn tật nặng; bị nhiễm HIV/AIDS	2,0	360
2	Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP: "Người cao tuổi cô đơn, thuộc hộ gia đình nghèo; người cao tuổi còn vợ hoặc chồng nhưng già yếu, không có con, cháu, người thân thích để nương tựa, thuộc hộ gia đình nghèo (Theo chuẩn nghèo được Chính phủ quy định cho từng thời kỳ)"		
	Dưới 85 tuổi;	1,0	180
	Dưới 85 tuổi bị tàn tật nặng;	1,5	270
	Từ 85 tuổi trở lên;	1,5	270
	Từ 85 tuổi trở lên bị tàn tật nặng.	2,0	360
3	Đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP: "Người từ 85 tuổi trở lên không có lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội"	1,0	180

4	Đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP, được sửa đổi theo khoản 1 Điều 1 Nghị định số 13/2010/NĐ-CP: "Người tàn tật nặng không có khả năng lao động hoặc không có khả năng tự phục vụ"		
	Không có khả năng lao động;	1,0	180
	Không có khả năng tự phục vụ.	2,0	360
5	Đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP, được sửa đổi theo khoản 2 Điều 1 Nghị định số 13/2010/NĐ-CP: "Người mắc bệnh tâm thần thuộc các loại tâm thần phân liệt, rối loạn tâm thần đã được cơ quan y tế chuyên khoa tâm thần chữa trị nhiều lần nhưng chưa thuyên giảm"	1,5	270
6	Đối tượng quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP: "Người nhiễm HIV/AIDS không còn khả năng lao động, thuộc hộ gia đình nghèo"	1,5	270
7	Đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP: "Gia đình, cá nhân nhận nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi" (Mức trợ cấp tính theo số trẻ nhận nuôi dưỡng):		
	Nhận nuôi dưỡng trẻ em từ 18 tháng tuổi trở lên;	2,0	360
	Nhận nuôi dưỡng trẻ em dưới 18 tháng tuổi; trẻ em từ 18 tháng tuổi trở lên bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS;	2,5	450
	Nhận nuôi dưỡng trẻ em dưới 18 tháng tuổi bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS.	3,0	540
8	Đối tượng quy định tại khoản 8 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP, được sửa đổi theo khoản 3 Điều 1 Nghị định 13/2010/NĐ-CP: "Hộ gia đình có từ 02 người trở lên tàn tật nặng không có khả năng tự phục vụ; người mắc bệnh tâm thần thuộc các loại tâm thần phân liệt, rối loạn tâm thần đã được cơ quan y tế chuyên khoa tâm thần chữa trị nhiều lần nhưng chưa thuyên giảm"		
	Có 2 người tàn tật nặng không có khả năng tự phục vụ, người mắc bệnh tâm thần;	2,0	360
	Có 3 người tàn tật nặng không có khả năng tự phục vụ, người mắc bệnh tâm thần;	3,0	540
	Có từ 4 người tàn tật nặng không có khả năng tự phục vụ, người	4,0	720

	mắc bệnh tâm thần trở lên.		
9	Đối tượng quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP: "Người đơn thân thuộc diện hộ nghèo, đang nuôi con nhỏ dưới 16 tuổi; trường hợp con đang đi học văn hóa, học nghề được áp dụng đến dưới 18 tuổi"		
	Đang nuôi con từ 18 tháng tuổi trở lên;	1,0	180
	Đang nuôi con dưới 18 tháng tuổi; từ 18 tháng tuổi trở lên bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS;	1,5	270
	Đang nuôi con dưới 18 tháng tuổi bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS.	2,0	360

Phụ lục 2:

MỨC TRỢ CẤP XÃ HỘI HÀNG THÁNG ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI SỐNG TRONG CÁC CƠ SỞ BẢO TRỢ XÃ HỘI

(Kèm theo Quyết định số 18/2010/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2010 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

TT	Đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
1	Đối tượng Quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP: "Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em bị bỏ rơi, mất nguồn nuôi dưỡng; trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại là mẹ hoặc cha mất tích theo quy định tại Điều 78 của Bộ Luật Dân sự hoặc không đủ năng lực, khả năng để nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật; trẻ em có cha và mẹ hoặc cha hoặc mẹ đang trong thời gian chấp hành hình phạt tù tại trại giam, không còn người nuôi dưỡng; trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ gia đình nghèo. Người chưa thành niên từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi nhưng đang đi học văn hóa, học nghề, có hoàn cảnh như trẻ em nêu trên"		
	Từ 18 tháng tuổi trở lên;	2,5	450
	Dưới 18 tháng tuổi; từ 18 tháng tuổi trở lên bị tàn tật nặng hoặc bị nhiễm HIV/AIDS	3,0	540

2	Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP: "Người cao tuổi cô đơn, thuộc hộ gia đình nghèo; người cao tuổi còn vợ hoặc chồng nhưng già yếu, không có con, cháu, người thân thích để nương tựa, thuộc hộ gia đình nghèo (Theo chuẩn nghèo được Chính phủ quy định cho từng thời kỳ)"	2,5	450
3	Đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP, được sửa đổi theo khoản 1 Điều 1 Nghị định số 13/2010/NĐ-CP: "Người tàn tật không có khả năng lao động hoặc không có khả năng tự phục vụ"	2,5	450
4	Đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP, được sửa đổi theo khoản 2 Điều 1 Nghị định số 13/2010/NĐ-CP: "Người mắc bệnh tâm thần thuộc các loại tâm thần phân liệt, rối loạn tâm thần đã được cơ quan y tế chuyên khoa tâm thần chữa trị nhiều lần nhưng chưa thuyên giảm"	3,0	540
5	Đối tượng quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 67/2007/NĐ-CP: "Người nhiễm HIV/AIDS không còn khả năng lao động, thuộc hộ gia đình nghèo"	3,0	540
6	Đối tượng quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 5 Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ Quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội: "Các đối tượng xã hội cần sự bảo vệ khẩn cấp: Trẻ em bị bỏ rơi; nạn nhân của bạo lực gia đình; nạn nhân bị xâm hại tình dục; trẻ em bị buôn bán; nạn nhân bị cưỡng bức lao động"	2,5	450